

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SMPENDILUX

1. Tên thuốc: Rotundin 60 mg

2. Công thức: Cho 1 viên:

Rotundin

Tá dược (Tinh bột sắn, lactose, bột talc, magnesi stearat)

60 mg

vd 1 viên

3. Dạng bào chế của thuốc: Viên nén.

4. Quy cách đóng gói: Vì 10 viên, hộp 10 vỉ có nhãn, kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

5. Các đặc tính dược lý:

5.1. Các đặc tính dược lực học:

Rotundin là một alcaloid chủ yếu chiết xuất từ củ một số loài bình vôi, có tác dụng an thần, gây ngủ, giảm đau.

5.2 Các đặc tính dược động học:

Thuốc được hấp thu tốt khi uống, xuất hiện trong huyết tương trong vòng 60 phút, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt 2,5 – 6 giờ.

Sinh khả dụng đạt 25-50%, 70% thuốc gắn với protein huyết tương. Thể tích phân bố 3,5 lít / kg. Thuốc được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc dưới dạng chuyển hóa. sự bài tiết phụ thuộc vào pH và lưu lượng nước tiểu.

6. Chỉ định, điều trị:

- Rotundin được dùng trong các trường hợp lo âu, căng thẳng do các nguyên nhân khác nhau dẫn đến mất ngủ hoặc giấc ngủ đến chậm.

- Hỗ trợ giảm đau giảm đau trong một số trường hợp đau cơ thắt cơ trơn, cơ vân, đau dây thần kinh, đau cơ xương khớp.

7. Liều lượng, cách dùng: Theo chỉ định của bác sĩ hoặc theo liều sau:

- An thần, gây ngủ:

Liều trung bình đối với người lớn: 1 viên/lần/ngày.

- Hỗ trợ giảm đau:

Dùng liều gấp đôi liều an thần, gây ngủ.

8. Chống chỉ định:

- Dị ứng với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

- Trẻ em.

9. Cảnh báo và thận trọng khi sử dụng:

- Ngừng thuốc trong trường hợp có biểu hiện dị ứng, chóng mặt.

10. Tương tác với các thuốc khác, các dạng tương tác khác:

Không dùng thuốc khi đang dùng các loại thuốc ngủ khác, hoặc đang dùng thuốc ức chế thần kinh trung ương.

11. Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Không sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú.

12. Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:

Thuốc có tác dụng gây ngủ nên không dùng cho người đang lái xe và vận hành máy móc.

13. Tác dụng không mong muốn:

Thuốc hiếm khi gây dị ứng, đau đầu, chóng mặt, mất ngủ.

Thông báo cho bác sĩ biết những tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc.

14. Quá liều và xử trí

Khi dùng liều cao sẽ gây kích thích thần kinh trung ương. Ngoài ra còn có thể gây giãn mạch, hạ huyết áp. Trường hợp này cần ngừng thuốc và hỏi ý kiến của thầy thuốc.

Xử trí: Nguyên tắc điều trị là điều trị triệu chứng và hỗ trợ, không có thuốc giải độc đặc hiệu.

15. Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

16. Bảo quản: Để nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

17. Tiêu chuẩn áp dụng: DDVN IV.

THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ
ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN CỦA BÁC SĨ



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: 273 Tây Sơn – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 04.3853.3396/3853.4148

Địa chỉ nhà máy sản xuất: 192 Đức Giang – Long Biên – Hà Nội

Điện thoại: 04.3655.7842/ 2243.1603

TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG

Đỗ Minh Hùng